

Số 30.25 CV/VID-HĐQT

TP.HCM, ngày 13 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
 - Mã chứng khoán: VID
 - Địa chỉ trụ sở chính: 806 Âu Cơ, Phường Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: 028.38428633 Fax: 028.38425880
 - E-mail: info@dautuviendong.vn Website: <https://dautuviendong.vn>
- Nội dung thông tin công bố : Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông xin công bố : Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2025
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13.../08/2025 tại đường dẫn : www.dautuviendong.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng bán niên năm 2025

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**



Bùi Quang Khoa

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
đã được soát xét

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>	6 – 9
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</i>	11 – 12
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng</i>	13 – 41



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhiều lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300377536 đăng ký thay đổi lần thứ 18 vào ngày 05 tháng 8 năm 2022 với số vốn điều lệ là 408.360.690.000 VND.

Hiện cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán VID.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy và hợp tác kinh doanh về hoạt động giáo dục.

Trụ sở chính của Công ty tại 806 Âu Cơ, phường Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Quang Khoa	Chủ tịch
Ông Bùi Quang Minh	Phó Chủ tịch
Ông Trần Hoàng Nghĩa	Thành viên
Bà Trần Thị Phương Mai	Thành viên
Ông Phạm Tất Phú	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Minh Giang	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên
Bà Trần Thị Tình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Bùi Quang Minh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Bùi Quang Khoa - Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt và công bố báo cáo tài chính riêng

Ông Bùi Quang Khoa – Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã ủy quyền cho Ông Bùi Quang Minh – Tổng Giám đốc phê duyệt và công bố báo cáo tài chính riêng kèm theo Giấy ủy quyền số 01.24/UQ/VID-HCNS ngày 06/05/2024. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi có văn bản khác thay thế.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo. Báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ngoài ra, Công ty cũng lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Số: 668 /BCSX/TC/2025/AASCS

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi:****Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông, được lập ngày 13 tháng 08 năm 2025, từ trang 6 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của đơn vị tại ngày 30/06/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và kiểm toán với kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần về các báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 27/08/2024 và 25/03/2025.



**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc**

Tạ Quang Long

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0649-2023-142-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		70.798.884.818	71.931.289.517
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.225.083.083	3.549.028.587
1. Tiền	111		1.225.083.083	3.549.028.587
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.395.446.454	63.341.681.570
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	43.264.973.981	40.254.115.804
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.912.270.246	2.811.351.755
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	43.925.000.000	54.905.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	9.088.888.000	1.166.899.784
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(35.795.685.773)	(35.795.685.773)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.178.355.281	5.040.579.360
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	61.013.864	100.158.696
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.054.837.008	4.877.916.255
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	62.504.409	62.504.409
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		379.459.186.473	377.518.343.611
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
II. Tài sản cố định	220		30.646.449.804	34.180.901.244
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	30.494.180.637	34.180.901.244
- Nguyên giá	222		100.102.406.970	100.676.986.018
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(69.608.226.333)	(66.496.084.774)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	152.269.167	-
- Nguyên giá	228		606.884.723	452.034.723
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(454.615.556)	(452.034.723)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	2.634.588.190	42.100.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.634.588.190	42.100.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	345.380.907.140	342.360.687.140
1. Đầu tư vào công ty con	251		184.887.018.700	184.887.018.700
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		132.568.228.440	132.568.228.440
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		28.679.160.000	25.658.940.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(753.500.000)	(753.500.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		797.241.339	934.655.227
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	797.241.339	934.655.227
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		450.258.071.291	449.449.633.128

501172
CÔNG T
TNHH
CH VỤ T
CHÍNH K
À KIỂM T
PHIA N
- T.P H

60037753
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI
VIỄN ĐÔNG
BÌNH-T.P HỒ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.056.713.075	3.219.027.782
I. Nợ ngắn hạn	310		3.056.713.075	3.032.727.782
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	428.888.698	88.645.460
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	78.537.412	76.618.947
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	291.941.223	405.117.633
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	2.257.345.742	2.462.345.742
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	186.300.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	-	186.300.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		447.201.358.216	446.230.605.346
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	447.201.358.216	446.230.605.346
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		408.360.690.000	408.360.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		408.360.690.000	408.360.690.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.254.265.000	3.254.265.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.073.451.644	3.073.451.644

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.425.799.489	8.425.799.489
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.087.152.083	23.116.399.213
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		23.116.399.213	646.830.669
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		970.752.870	22.469.568.544
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		450.258.071.291	449.449.633.128

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thủy Tiên

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Bùi Quang Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.403.116.446	3.376.642.896
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	4.403.116.446	3.376.642.896
4. Giá vốn hàng bán	11		1.072.666.076	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.330.450.370	3.376.642.896
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.568.314.773	19.613.142.419
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	12.990.988.850	15.795.735.492
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(92.223.707)	7.194.049.823
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.063.003.590	1.527.029.455
12. Chi phí khác	32	VI.6	27.013	1.085.142
13. Lợi nhuận khác	40		1.062.976.577	1.525.944.313
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		970.752.870	8.719.994.136
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		970.752.870	8.719.994.136

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thủy Tiên

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Bùi Quang Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01			
1. Lợi nhuận trước thuế			970.752.870	8.719.994.136
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.659.685.922	3.441.023.424
- Các khoản dự phòng	03		-	9.900.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.629.773.187)	(19.626.028.394)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(5.999.334.395)	(7.455.110.834)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.131.261.668)	(5.557.860.075)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		42.685.293	705.257.776
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		176.558.720	(242.609.748)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(205.000.000)	(20.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.116.352.050)	(12.570.322.881)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.867.700.008)	(1.076.583.340)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	20.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(31.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.980.000.000	36.880.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.020.220.000)	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.700.326.554	7.459.194.626
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		8.792.406.546	12.082.611.286



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

(theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.323.945.504)	(487.711.595)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.549.028.587	1.829.663.592
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.225.083.083	1.341.951.997

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thủy Tiên

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Bùi Quang Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhiều lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300377536 đăng ký thay đổi lần thứ 18 vào ngày 05 tháng 8 năm 2022 với số vốn điều lệ là 408.360.690.000 VND.

Hiện cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán VID.

Trụ sở chính của Công ty tại 806 Âu Cơ, phường Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là: 23 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 26 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy và hợp tác kinh doanh về hoạt động giáo dục.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 Công ty có các công ty con như sau:

Tên Công ty con	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa giấy	230.400.000.000	51,03%	51,03%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 Công ty có các công ty liên kết như sau:

Tên Công ty liên kết	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt (*)	Kinh doanh khu du lịch sinh thái vui chơi giải trí, hoạt động bảo tồn bảo tàng, tổ chức sự kiện giáo dục văn hóa nghệ thuật	100.000.000.000	30,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy, cho thuê mặt bằng và hoạt động giáo dục	173.109.780.000	33,27%	40,68%
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Cho thuê văn phòng, đại lý mua bán vật tư văn hóa thông tin, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh...	45.000.000.000	32,98%	41,48%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Giáo dục mầm non, trung học cơ sở và trung học phổ thông; Đào tạo ngoại ngữ và tin học	91.260.000.000	28,33%	38,70%
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Trồng, kinh doanh chế biến và xuất khẩu chè, cà phê, nông sản. Kinh doanh vật tư nông nghiệp...	19.505.110.000	27,04%	27,04%

(*) Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Làng Văn hóa tại xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và không phát sinh hoạt động kinh doanh.

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

+ Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông tại Số 15, đường N3, khu công nghiệp Sóng Thần 3, khu 1, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Trong kỳ Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính riêng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, hệ thống các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Theo đó, Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2025 và đến ngày 30/06/2025 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty/Doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng tại thời điểm này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu.

b) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

c) Đầu tư vào công ty con; Công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của các công ty này.

Công ty liên kết là các công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là

501172
CÔNG TY
TNHH
CH VU TU
CHINH KI
A KIEM T
PHIA NA
- T.P.H

003775
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TU PHÁT T
HƯƠNG M
IÊN ĐÔNG
NH-T.P.H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình và vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản; còn các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25	06 – 25
- Máy móc, thiết bị	05 – 12	05 – 12
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06	06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03	03
- Phần mềm máy tính	03 - 06	03 - 06

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa;
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ;
- Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê;

Tiền lãi, cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

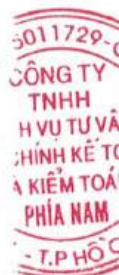
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

chấn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

15. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	65.314.027	200.436.998
Tiền gửi ngân hàng	1.159.769.056	3.348.591.589
Cộng	1.225.083.083	3.549.028.587

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư vào công ty con

Đối tượng	30/06/2025		01/01/2025	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (*)	51,03%	184.887.018.700	51,03%	184.887.018.700
Cộng		184.887.018.700		184.887.018.700
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con		-		-
Giá trị thuần		184.887.018.700		184.887.018.700

(*) Thông tin chủ yếu về công ty con được trình bày tại Thuyết minh số I.5.

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đối tượng	30/06/2025		01/01/2025	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	30,00%	30.000.000.000	30,00%	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	33,27%	33.745.517.000	33,27%	33.745.517.000
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	32,98%	14.841.400.000	32,98%	14.841.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	28,33%	49.232.000.000	28,33%	49.232.000.000
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	27,04%	4.749.311.440	27,04%	4.749.311.440
Cộng		132.568.228.440		132.568.228.440
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-		-
Giá trị thuần		132.568.228.440		132.568.228.440

(*) Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty trong các công ty liên kết, liên doanh xem ở Thuyết minh I.5.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo) -

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đối tượng	30/06/2025		01/01/2025	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		28.679.160.000		25.658.940.000
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (i)	6,71%	27.925.660.000	6,71%	24.905.440.000
- Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An (ii)	13,87%	416.000.000	13,87%	416.000.000
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt (ii)	15,00%	337.500.000	15,00%	337.500.000
Cộng		28.679.160.000		25.658.940.000
Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		753.500.000		753.500.000
Giá trị thuần		27.925.660.000		24.905.440.000

(i) Tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ là 13,32%.

(ii) Tỷ lệ quyền biểu quyết tại hai công ty này bằng với tỷ lệ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	43.264.973.981	40.254.115.804
<i>Các khách hàng là bên liên quan</i>	<i>33.033.249.653</i>	<i>30.532.970.801</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	25.959.970.801	25.959.970.801
Công ty Cổ phần Văn Hoá Giáo Dục Việt Mỹ	7.073.278.852	4.540.000.000
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	-	33.000.000
<i>Các khách hàng là bên thứ ba</i>	<i>10.231.724.328</i>	<i>9.721.145.003</i>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vi Na	9.699.145.003	9.699.145.003
Các khách hàng khác	532.579.325	22.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	43.264.973.981	40.254.115.804

4. Trả trước người bán

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	3.912.270.246	2.811.351.755
<i>Các nhà cung cấp là bên thứ ba</i>	<i>3.912.270.246</i>	<i>2.811.351.755</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Adu	2.244.500.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị PCCC Thanh Niên	1.062.600.000	1.062.600.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất - Cơ khí - Xây dựng Nhôm kính sắt inox Đức Trí	43.074.503	1.000.103.446
Các nhà cung cấp khác	562.095.743	748.648.309
b) Dài hạn	-	-
Cộng	3.912.270.246	2.811.351.755

5. Phải thu về cho vay

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	43.925.000.000	54.905.000.000
<i>Bên vay là bên liên quan</i>	<i>43.925.000.000</i>	<i>54.905.000.000</i>
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (i)	43.925.000.000	54.905.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	43.925.000.000	54.905.000.000

(i) Cho Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực vay theo Hợp đồng 01/HĐVV/VĐ-GTL ngày 01/02/2017 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay vốn, với tổng mức vay là 60 tỷ VND. Thời hạn cho vay từ ngày 01/02/2017 đến ngày 31/12/2025, lãi suất cho vay là 7%/năm. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

6. Phải thu khác

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Tạm ứng	9.088.888.000	1.166.899.784
Ký cược, ký quỹ	75.328.000	211.147.003
Phải thu khác	5.000.000	5.000.000
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan	9.008.560.000	950.752.781
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (Lãi cho vay)	9.008.560.000	940.571.781
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt (Cổ tức)	895.090.000	940.571.781
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (Lợi nhuận hợp tác kinh doanh)	5.171.400.000	-
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô (Cổ tức)	2.200.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác là bên thứ ba	742.070.000	-
Các đối tượng khác	-	10.181.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	9.088.888.000	1.166.899.784

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

7. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu khách hàng	35.659.115.804	-	35.659.115.804	35.659.115.804	-	35.659.115.804
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	25.959.970.801	-	25.959.970.801	25.959.970.801	-	25.959.970.801
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vi Na	9.699.145.003	-	9.699.145.003	9.699.145.003	-	9.699.145.003
Trả trước cho người bán	136.569.969	-	136.569.969	136.569.969	-	136.569.969
Công ty TNHH Xã hội Công dân Chuyên nghiệp	136.569.969	-	136.569.969	136.569.969	-	136.569.969
Cộng	35.795.685.773	-	35.795.685.773	35.795.685.773	-	35.795.685.773

8. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ (01/01/2025)	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ (30/06/2025)
Công trình cải tạo trường học	42.100.000	2.344.469.150	-	-	2.386.569.150
Công trình cải tạo kho tổng	-	136.418.769	-	-	136.418.769
Công trình cải tạo lan can và nhà vệ sinh văn phòng	-	111.600.271	-	-	111.600.271
Cộng	42.100.000	2.592.488.190	-	-	2.634.588.190



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình					
Số dư đầu kỳ (01/01/2025)	88.517.338.577	6.175.490.608	3.476.988.326	2.507.168.507	100.676.986.018
Mua trong kỳ	-	120.361.818	-	-	120.361.818
Thanh lý trong kỳ	(498.940.866)	-	-	(196.000.000)	(694.940.866)
Số dư cuối kỳ (30/06/2025)	88.018.397.711	6.295.852.426	3.476.988.326	2.311.168.507	100.102.406.970
Giá trị đã hao mòn					
Số dư đầu kỳ (01/01/2025)	54.877.527.574	6.042.352.413	3.100.091.840	2.476.112.947	66.496.084.774
Trích khấu hao trong kỳ	3.572.176.652	41.015.091	36.746.682	7.166.664	3.657.105.089
Thanh lý trong kỳ	(348.963.530)	-	-	(196.000.000)	(544.963.530)
Số dư cuối kỳ (30/06/2025)	58.100.740.696	6.083.367.504	3.136.838.522	2.287.279.611	69.608.226.333
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ (01/01/2025)	33.639.811.003	133.138.195	376.896.486	31.055.560	34.180.901.244
Tại ngày cuối kỳ (30/06/2025)	29.917.657.015	212.484.922	340.149.804	23.888.896	30.494.180.637

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 29.325.932.297 đồng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Cộng
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình</i>		
Số dư đầu kỳ (01/01/2025)	452.034.723	452.034.723
Mua trong kỳ	154.850.000	154.850.000
Số dư cuối kỳ (30/06/2025)	606.884.723	606.884.723
<i>Giá trị đã hao mòn</i>		
Số dư đầu kỳ (01/01/2025)	452.034.723	452.034.723
Trích khấu hao trong kỳ	2.580.833	2.580.833
Số dư cuối kỳ (30/06/2025)	454.615.556	454.615.556
<i>Giá trị còn lại</i>		
Tại ngày đầu kỳ (01/01/2025)	-	-
Tại ngày cuối kỳ (30/06/2025)	152.269.167	152.269.167

* Ghi chú:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 452.034.723 VND.

11. Chi phí trả trước

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	61.013.864	100.158.696
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.565.341	60.220.277
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.448.523	39.938.419
b) Dài hạn	797.241.339	934.655.227
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	572.234.920	755.752.404
Chi phí dịch vụ mua ngoài	225.006.419	178.902.823
Cộng	858.255.203	1.034.813.923

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

12. Phải trả người bán

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
<i>Các nhà cung cấp là bên thứ ba</i>				
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội	428.888.698	428.888.698	88.645.460	88.645.460
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Ngày & Đêm	428.888.698	428.888.698	88.645.460	88.645.460
Các nhà cung cấp khác	327.877.451	327.877.451	-	-
	64.800.000	64.800.000	-	-
	36.211.247	36.211.247	88.645.460	88.645.460
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	428.888.698	428.888.698	88.645.460	88.645.460
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.				

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2025	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	30/06/2025
a) Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	76.618.947	2.127.476.277	2.125.557.812	78.537.412
Thuế đất	76.618.947	342.025.150	340.106.685	78.537.412
Thuế, phí khác	-	1.743.836.807	1.743.836.807	-
	-	41.614.320	41.614.320	-
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.504.409	-	-	62.504.409
	62.504.409	-	-	62.504.409

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

14. Phải trả khác

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	291.941.223	405.117.633
Kinh phí công đoàn	240.896.621	228.375.131
Bảo hiểm bắt buộc	1.164.029	1.164.029
Phải trả phải nộp khác	49.880.573	175.578.473
b) Dài hạn	-	186.300.000
Nhận ký quỹ, ký cược	-	186.300.000
Cộng	291.941.223	591.417.633
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.		

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tại ngày 01/01	2.462.345.742	2.648.665.742
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Chi khen thưởng, phúc lợi	(205.000.000)	(186.320.000)
Tại ngày 30/06	2.257.345.742	2.462.345.742

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước (01/01/2024)	408.360.690.000	3.254.265.000	3.073.451.644	8.425.799.489	21.064.865.169	444.179.071.302
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	22.469.568.544	22.469.568.544
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(20.418.034.500)	(20.418.034.500)
Số dư cuối kỳ trước (31/12/2024)	408.360.690.000	3.254.265.000	3.073.451.644	8.425.799.489	23.116.399.213	446.230.605.346
Số dư đầu năm nay (01/01/2025)	408.360.690.000	3.254.265.000	3.073.451.644	8.425.799.489	23.116.399.213	446.230.605.346
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	970.752.870	970.752.870
Số dư cuối kỳ này (30/06/2025)	408.360.690.000	3.254.265.000	3.073.451.644	8.425.799.489	24.087.152.083	447.201.358.216

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2025	%	01/01/2025	%
	VND		VND	
Bùi Quang Mẫn	67.369.240.000	16,50	67.369.240.000	16,50
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	32.300.530.000	7,91	32.300.530.000	7,91
Nguyễn Thị Thu	29.147.730.000	7,14	29.147.730.000	7,14
Vốn góp của các cổ đông khác	279.543.190.000	68,45	279.543.190.000	68,45
Cộng	408.360.690.000		408.360.690.000	

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	408.360.690.000	408.360.690.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	408.360.690.000	408.360.690.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.836.069	40.836.069
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.836.069	40.836.069
- Cổ phiếu phổ thông	40.836.069	40.836.069
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.836.069	40.836.069
- Cổ phiếu phổ thông	40.836.069	40.836.069
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu.

e) Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01.25NQ/VID-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025. Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua việc chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ bằng 5% mệnh giá cổ phần, tương đương số tiền 20.418.034.500 VND. Khoản cổ tức phải trả này chưa được hạch toán trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 do chưa có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán riêng

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	841,00	841,00
Euro (EUR)	20,00	20,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.403.116.446	3.376.642.896
Cộng	4.403.116.446	3.376.642.896

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.072.666.076	-
Cộng	1.072.666.076	-

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi và lãi cho vay	1.842.712.773	2.026.908.091
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.725.602.000	17.586.229.000
Doanh thu tài chính khác	-	5.328
Cộng	9.568.314.773	19.613.142.419

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.628.628.133	4.517.534.606
Chi phí đồ dùng, vật liệu quản lý	366.674.035	174.129.096
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.587.019.846	3.441.023.424
Thuế, phí và lệ phí	1.785.451.127	1.785.471.127
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.838.725.242	4.447.256.807
Chi phí bằng tiền khác	784.490.467	1.430.320.432
Cộng	12.990.988.850	15.795.735.492

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Xử lý công nợ thuế tại Chi nhánh Bình Dương	-	1.503.708.853
Thu nhập từ thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	1.061.458.414	12.891.303
Thu nhập khác	1.545.176	10.429.299
Cộng	1.063.003.590	1.527.029.455

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	-	1.077.941
Chi phí khác	27.013	7.201
Cộng	27.013	1.085.142

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	970.752.870	8.719.994.136
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(6.713.072.104)	(17.249.151.059)
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.212.529.896	337.077.941
+ Chi phí không hợp lệ	27.013	337.077.941
+ Thù lao hội đồng quản trị	396.000.000	-
+ Tiền thuê đất phục vụ cho hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.743.836.807	-
+ Khấu hao TSCD phục vụ cho hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.072.666.076	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(9.925.602.000)	(17.586.229.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	(7.725.602.000)	(17.586.229.000)
+ Lợi nhuận sau thuế được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	(2.200.000.000)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(5.742.319.234)	(8.529.156.923)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10.2 Lỗ tính thuế chuyển sang năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 43.043.534.397 VND (tại 31/12/2024 là 37.301.215.163 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2024	Không được chuyển lỗ	VND Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/06/2025
2021	2026	2.002.239.909	-	-	2.002.239.909
2022	2027	7.779.363.729	-	-	7.779.363.729
2023	2028	12.867.032.010	-	-	12.867.032.010
2024	2029	14.652.579.515	-	-	14.652.579.515
2025	2030	5.742.319.234	-	-	5.742.319.234
TỔNG CỘNG		43.043.534.397	-	-	43.043.534.397

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai của Công ty và chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	366.674.035	174.129.096
Chi phí nhân công	4.628.628.133	4.517.534.606
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.659.685.922	3.441.023.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.838.725.242	4.447.256.807
Chi phí khác bằng tiền	2.569.941.594	3.215.791.559
Cộng	14.063.654.926	15.795.735.492

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Công ty con
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cổ đông lớn và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt
- Thành viên gia đình của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên gia đình của Thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, thu nhập của Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:

Họ tên	Chức danh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị		330.000.000	330.000.000
Ông Bùi Quang Khoa	Chủ tịch	180.000.000	180.000.000
Ông Bùi Quang Minh	Phó Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Trần Hoàng Nghĩa	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Bà Trần Thị Phương Mai	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Ông Phạm Tất Phú	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Thu nhập của thành viên Ban Kiểm soát		66.000.000	66.000.000
Bà Lê Thị Minh Giang	Trưởng Ban kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Bà Trần Thị Tình	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Thu nhập của Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt khác		535.562.321	621.378.800
Ông Bùi Quang Minh	Tổng Giám đốc	302.951.921	350.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc	172.610.400	201.378.800
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng	60.000.000	70.000.000
Cộng		931.562.321	1.017.378.800

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan khác. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	180.000.000	180.000.000
		Cho vay	-	31.200.000.000
		Thu nợ cho vay	10.980.000.000	7.280.000.000
		Lãi cho vay	1.842.161.233	1.672.681.644
		Thu lãi cho vay	1.887.643.014	1.034.716.028
		Cổ tức được chia	-	11.757.521.000
		Nhận cổ tức được chia	-	457.521.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	5.171.400.000	3.878.550.000
		Nhận cổ tức được chia	-	3.878.550.000
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	742.070.000	
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Giá trị được hưởng từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.790.287.219	2.658.632.428
		Thu nhập bán tài sản, công cụ dụng cụ	727.272.727	-
		Mua hàng hóa dịch vụ	418.021.695	436.634.437
		Cổ tức được chia	1.812.132.000	1.208.088.000
		Nhận cổ tức được chia	1.812.132.000	1.208.088.000
		Góp vốn cổ phần	3.020.220.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho đến cuối kỳ, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Giá trị khoản phải thu/(phải trả) 30/06/2025	01/01/2025
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Công ty con	Phải thu từ bán hàng hóa và dịch vụ (thuyết minh V.3)	-	33.000.000
		Phải thu về cho vay (thuyết minh V.5)	43.925.000.000	54.905.000.000
		Phải thu lãi cho vay (thuyết minh V.6)	895.090.000	940.571.781
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Phải thu từ bán hàng hóa và dịch vụ (thuyết minh V.3)	25.959.970.801	25.959.970.801
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Phải thu từ bán hàng hóa và dịch vụ (thuyết minh V.3)	7.073.278.852	4.540.000.000
		Phải thu từ hợp tác kinh doanh (thuyết minh V.6)	2.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Công ty liên kết	Phải thu cổ tức được chia (thuyết minh V.6)	5.171.400.000	-
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết	Phải thu cổ tức được chia (thuyết minh V.6)	742.070.000	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực hợp tác kinh doanh về hoạt động giáo dục nên không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Đơn vị tính: VND			
	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.225.083.083	-	3.549.028.587	-
Phải thu khách hàng	43.264.973.981	35.659.115.804	40.254.115.804	35.659.115.804
Các khoản phải thu khác	9.088.888.000	-	1.166.899.784	-
Phải thu về cho vay dài hạn	43.925.000.000	-	54.905.000.000	-
Cộng	97.503.945.064	35.659.115.804	99.875.044.175	35.659.115.804

Nợ phải trả tài chính
Phải trả cho người bán
Các khoản phải trả khác

Cộng

Đơn vị tính: VND		
Giá trị sổ sách		
	30/06/2025	01/01/2025
	428.888.698	88.645.460
	291.941.223	591.417.633
	720.829.921	680.063.093



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, phải thu khác, phải trả người bán, và phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu khách hàng được Công ty đánh giá dựa trên thông tin về khả năng trả nợ của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Các tài sản tài chính khác và nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các tài sản tài chính khác và nợ phải trả tài chính khác được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

4. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 30/06/2025, Công ty không có đảm bảo cho đơn vị khác bất kỳ tài sản nào và Công ty cũng không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Hiện tại khoản phải thu từ bán hàng của Công ty chủ yếu là nợ quá hạn của hai khách hàng, nên rủi ro tập trung vào hai khách hàng này. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ đối với khoản phải thu từ hai khách hàng này.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Cho vay

Công ty cho bên liên quan và đối tác vay tiền. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối khoản cho vay là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Đơn vị tính: VND		
	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ (30/06/2025)	720.829.921	-	720.829.921
Phải trả cho người bán	428.888.698	-	428.888.698
Các khoản phải trả khác	291.941.223	-	291.941.223
Số đầu kỳ (01/01/2025)	493.763.093	186.300.000	680.063.093
Phải trả cho người bán	88.645.460	-	88.645.460
Các khoản phải trả khác	405.117.633	186.300.000	591.417.633

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là ở mức kiểm soát được. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của mình. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và kiểm toán.

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thủy Tiên

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thủy Tiên

Tổng Giám đốc




Bùi Quang Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025